TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1322/2021/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 17 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2064/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa:

- **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.**

Địa chỉ: 3/3, khu phố 7, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

- **Bị đơn: Ông Đồng Văn L, sinh năm 1979.**

Địa chỉ: B9, tổ 8, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đồng Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Đồng Văn L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Đồng Nguyễn Đức H, sinh ngày 03/11/2010 và Đồng Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 26/4/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

2.000.000 đồng/2 cháu (kể từ tháng 12/2021) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà H, ông L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: bà H, ông L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị H tự nguyện nộp số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng. Khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0000573 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy